

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN 11
NĂM HỌC 2024-2025**

I. KIẾN THỨC CHUNG

1. Kiến thức về thể loại văn học

BÀI 1: CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ (Xem lại đề cương ôn tập giữa học kì 1)

BÀI 2: CÂU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH (Xem lại đề cương ôn tập giữa học kì 1)

BÀI 3: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Thể loại		Văn bản nghị luận
Các văn bản đã học		- <i>Cầu hiền chiếu</i> (Chiếu cầu hiền – Ngô Thì Nhậm) - <i>Tôi có một ước mơ</i> (Trích Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri (Montgomery), Mác-tin Lu-thơ Kinh –Martin Luther King) - <i>Một thời đại trong thi ca</i> (Trích Thi nhân Việt Nam – Hoài Thanh)
Đặc điểm thể loại	Cấu trúc của văn bản nghị luận	- Một văn bản nghị luận bao gồm nhiều thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng... được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất. - Là thành tố có tính chất bao trùm: luận đề có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm. Các luận điểm trong văn bản nghị luận, với sự thống nhất của lí lẽ và bằng chứng, có nhiệm vụ làm rõ từng khía cạnh và thể hiện tính nhất quán của luận đề. Mỗi quan hệ có tính bản chất giữa các thành tố như vậy tạo nên cấu trúc đặc thù của văn bản nghị luận .
	Yếu tố hỗ trợ trong văn bản nghị luận	Để tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, ngoài lí lẽ và bằng chứng, người viết còn có thể sử dụng một số yếu tố hỗ trợ như: - Thuyết minh trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực. - Miêu tả được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan. - Tự sự đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên. - Biểu cảm giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.

BÀI 4: TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Thể loại	Truyện thơ dân gian, thơ trữ tình
Các văn bản đã học	- <i>Lời tiễn dặn</i> (Trích Tiễn dặn người yêu – truyện thơ dân tộc Thái) - <i>Dương phụ hành</i> (Bài hành về người thiếu phụ phương Tây – Cao Bá Quát)

		- <i>Thuyền và biển</i> (Xuân Quỳnh)
Đặc điểm thể loại	Truyện thơ	Truyện thơ thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,... nhưng lại được thể hiện dưới hình thức thơ. - Dung lượng và đề tài: + Dung lượng tương đối lớn, + Bao quát nhiều sự kiện, con người, chi tiết cụ thể, sinh động của đời sống thường nhật. - Điều kiện tồn tại và phát triển: Truyện thơ hiện diện trong nhiều nền văn học, có lịch sử lâu đời, phát triển thành một số dòng riêng theo sự chi phối của các điều kiện văn hóa, xã hội cụ thể.
	Truyện thơ dân gian	- Lực lượng sáng tác: Tầng lớp bình dân hoặc các trí thức sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác; - Lưu hành: chủ yếu bằng con đường truyền miệng nhưng cũng có khi thông qua các văn bản viết. - Nguồn gốc đề tài của truyện thơ dân gian: Truyện thơ dân gian khai thác đề tài từ nhiều nguồn khác nhau như truyện cổ, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường. - Đặc điểm: + Kế thừa truyền thống của dân ca với sự kết hợp hài hòa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình + Nội dung: Thể hiện được một cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo. + Ngôn ngữ: giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hòa đồng, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,... - Điều kiện phát triển riêng biệt: Đặc biệt phát triển trong sinh hoạt văn hóa, văn học của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. - Một số truyện thơ dân gian tiêu biểu: + Dân tộc Tày Nùng có: Nam Kim – Thị Đan; Trần Châu; Quảng Tân – Ngọc Lương; Kim Quế; Chuyện chim sáo; Vượt biển;... + Dân tộc Thái có: Tiễn dặn người yêu; Chàng Lú – nàng Ủa; Khăm Panh;... + Dân tộc Mường có: Út Lót – Hồ Liêu; Nàng Nga – Hai Mối; Nàng Ồm – chàng Bồng Hương;... + Dân tộc Mông có: Tiếng hát làm dâu; Nhàng Dợ - Chà Tăng;... + Dân tộc Chăm có: Hoàng tử Um Rup và cô gái chăn dê; Têva Murnô;... + Dân tộc Khơ-me có: Si Thạch; Tum Tiêu;...
	Yếu tố tự sự trong	- Đặc trưng cơ bản của thơ trữ tình: thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

	thơ trữ tình	- Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình: + Biểu hiện: có bóng dáng của một câu chuyện, một sự kiện với những đường nét cốt yếu của nó. + Tác dụng: làm nền cho tiếng nói trữ tình, chịu sự chi phối của mạch cảm xúc mà tác giả triển khai. + Mức độ xuất hiện của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình: các câu chuyện thường chỉ được “kể” ở mức độ vừa đủ để cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ trọn vẹn.
--	--------------	---

BÀI 5: NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

Thể loại		Bi kịch
Các văn bản đã học		- <i>Sống, hay không sống – đó là vấn đề</i> (Trích Hăm-lét – Hamlet, Uy-li-am Sếch-xpia - William Shakespeare) - <i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i> (Trích Vũ Như Tô – Nguyễn Huy Tưởng)
Đặc điểm thể loại	Bi kịch	- Bi kịch là một thể loại thuộc về kịch. - Đặc điểm: + Bi kịch tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng, đạt tới mức căng thẳng tột độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát không thể đảo ngược của thực tại hay với những trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người. + Cốt truyện bi kịch: Được làm nên từ việc thắt nút, triển khai và giải quyết những xung đột; kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật. + Trong bi kịch, việc cái đẹp, cái hùng bị thất bại đã đưa đến nỗi đau khổ cùng cực. Song chính từ đó, bi kịch trở thành tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người trong cuộc đấu tranh chống lại những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người.
	Nhân vật và xung đột trong bi kịch	- Nhân vật chính trong bi kịch: + Thường phải trải qua những trạng thái giằng xé, bế tắc, rơi vào những tình huống hết sức nặng nề và có kết thúc bi thảm. + Lời thoại thường căng thẳng, chất chứa biện luận, thể hiện suy tư trăn trở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, không khuất phục. - Xung đột trong bi kịch: là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật với cái tất yếu vốn được thể hiện qua những thế lực cụ thể.
	Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch	- Theo dõi bi kịch, người tiếp nhận thấy như đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống cùng nhân vật. - Sau đó, thấy căm ghét cái đê tiện, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hòa, thăng bằng hơn.

2. Kiến thức tiếng Việt

Nội dung thực hành	Khái niệm hay quy tắc cần nắm vững	Ý nghĩa của hoạt động thực hành
Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	- Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh, được tiếp nhận bằng thính giác. - Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, được dùng trong sách báo, văn bản hành chính, thư từ,...	Nhận biết, phân tích được đặc điểm và ý nghĩa của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong các văn bản văn học.
Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường	Nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của Tiếng Việt, đồng thời biết thực hiện việc đổi chiều, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau.	- Tạo ra những kết hợp trái logic nhằm “lạ hóa” văn bản. - Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh đặc điểm đối tượng. - Cung cấp nét nghĩa mới nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ. - Bổ sung chức năng mới cho câu.
Lỗi thành phần câu và cách sửa	Câu thiếu chủ ngữ, vị ngữ, câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ, sắp xếp sai vị trí thành phần câu, thiếu về câu.	Nhận biết được lỗi về thành phần câu và đưa ra được cách sửa.

3. Kiến thức viết

Kiểu bài	Yêu cầu của kiểu bài	Dàn ý
1. Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)	- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích) - Nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...) - Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lý lẽ và bằng chứng thuyết	- Mở bài: + Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật bạn sẽ phân tích. + Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ tập trung làm rõ. - Thân bài: Căn cứ vào việc xác định các yếu tố làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện mà bạn chọn phân tích, triển khai bài viết thành các luận điểm tương ứng. Khi phân tích các yếu tố này, có thể đi theo các trình tự: + Bước 1: miêu tả yếu tố đó, + Bước 2: chỉ ra chức năng, vai trò của nó; + Bước 3: đánh giá hiệu quả của nó,... - Kết bài: Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.

	phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ. - Khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.	
2. Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm)	- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lý do lựa chọn bài thơ;...). - Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh). - Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng. - Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống	- <i>Mở bài:</i> Giới thiệu chung về bài thơ và xác định vấn đề sẽ được tập trung bàn luận trong bài viết. - <i>Thân bài:</i> Cần triển khai các ý: + Cảm giác chung mà cấu tứ cùng những hình ảnh và cách diễn tả khác lạ trong bài thơ gợi cho người đọc. + Sự khác biệt của bài thơ này so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ (thực hiện những so sánh cần thiết để chỉ ra được sự khác biệt). + Những khả năng hiểu (cắt nghĩa) khác nhau đối với một số yếu tố, hình ảnh trong bài thơ (cần nêu cụ thể). + Điều được làm sáng tỏ qua việc đọc thăm dò và thử nghiệm các cách đọc khác nhau với bài thơ. + Sự gợi mở về cách nhìn mới đối với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản bài thơ. - <i>Kết bài:</i> Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho độc giả.
3. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh)	- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh. - Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; - Sử dụng được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính	- Mở bài: Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức,... - Thân bài: Cần triển khai các ý: + Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn luận và nêu quan điểm của người viết (lí lẽ và bằng chứng). + Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau và bàn về những khía cạnh của vấn đề viết (lí lẽ và bằng chứng).

	xác, thích hợp, đầy đủ, sinh động. - Đưa ra được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận và có lí lẽ phản bác nhằm tăng sức thuyết phục cho bài viết; - Rút ra được ý nghĩa của vấn đề đối với bản thân.	+ Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều (lí lẽ và bằng chứng). + Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng (lí lẽ và bằng chứng). - Kết bài: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động,...)
4. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)	- Nêu được vấn đề thực sự có ý nghĩa, hướng đến việc hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại. - Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, phù hợp với logic của vấn đề để bàn luận; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, thích hợp, đầy đủ. - Nêu được ý kiến về vấn đề bàn luận từ một góc nhìn khác. - Rút ra được ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề.	- Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận, hướng bàn luận và ý nghĩa chung của việc bàn luận về vấn đề (Có thể giới thiệu vấn đề theo cách trực tiếp hoặc theo cách gián tiếp nhưng không được dài dòng và cần giúp người đọc nắm rõ ngay từ đầu bài viết sẽ bàn luận về vấn đề gì). - Thân bài: + Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề. + Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp. + Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề. + Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận. + Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều. - Kết bài: Tóm tắt những luận điểm chính đã trình bày và khẳng định ý nghĩa của vấn đề trên cơ sở thu thập nhiều tư liệu và bằng chứng mới.

II. MỘT SỐ CÂU HỎI LUYỆN TẬP

1. DẠNG CÂU HỎI ĐỌC HIỂU

1.1. Ngữ liệu đọc hiểu về truyện ngắn

Đọc văn bản sau:

“**Lược phần đầu:** Người nhà Dung đi nước ngoài, Dung sang ở với ông ngoại. Ban đầu Dung không hòa nhập được với cuộc sống mới, than thở với mẹ và người mẹ khuyên cố gắng chăm ông thay mẹ...”

Dung anh ách lái xe về nhà ngoại, cậu đi để lại chiếc Chaly màu xanh, Dung dùng đi học. Hồi sáng này, ông ngoại dắt xe ra đến cửa Dung hỏi:

- Ngoại định đi đâu

- Ông lên quận một chút.

Dung ngăn:

- Thôi, ngoại già rồi, không nên lái xe, có đi, con chở ông đi.

Ông tỏ vẻ giận, quảy quả vào nhà. Ôi, người già sao mà khó đến vậy.

Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà. Thế giới của ông là mấy ông bạn già, là mấy chồng nhứt báo, là cái radio đầu hồi còn đánh nhau, là trầm tư suy ngẫm, là mảnh sân hoa trái. Thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập sinh, là sắc màu xanh đỏ, là quả đất như nằm gọn trong bàn tay. Sáng nó dậy thật sớm để nấu cơm, sau đó đi học, chiều lại học, buổi tối nó vù xe đến bạn chơi hoặc về nhà nghe mấy đĩa em cãi nhau ồm tỏi. Hai thế giới vừa giành giật vừa hoà tan nhau.

Mặc dầu Dung đang ở trong thế giới của ông, mà không biết mình đang chìm dần vào đấy...

Có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được. Bây giờ mỗi đêm Dung trở mình nghe ông ngoại ho khúc khắc. Nghe cây mai nhỏ nứt mình, nảy chồi Dung nghiện hương trầm tối tối ông thấp lên bàn thờ bà ngoại. Lắm khi lũ em Dung sang, chúng nó phá phách quảy tung cả lên, Dung mắng, chúng nó trề môi "Chị hai khó như một bà già", Dung giật mình. Có lẽ quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, cái khoảng không xanh lục lóng trong khối bụi, đầu đỏ, trên tàng me già, dăm chú chim hót líu lo Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hờm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cộc cạch lên phùng lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu. Chủ nhật Dung cầm cú lau chùi bên dàn karaoke phủ bụi, ông đứng lên nheo mắt:

- Sao con không hát, con hát rất hay mà.- Dung thoáng ngỡ ngàng, nó hỏi:

- Ngoại có thích nghe không?

Rồi mở máy. Hôm ấy Dung rất vui, lần đầu tiên nó hát cho riêng ông nghe và quan trọng nhất là ông đã ngồi lại đấy, gật gù.

...

Hết mùa me dốt, ông cháu Dung nhặt là mai đón Tết. Cậu gửi thư và quà về. Ông ôm chầm lấy thư bảo Dung.

- Con đọc ngoại nghe.

Dung đọc một lèo, lúc ngược lên đã thấy mắt ông đỏ rưng. Ông đến bàn thờ bà, đốt nén hương, mùi trầm ngào ngạt, Dung hỏi:

- Ngoại thương cậu như vậy, sao không theo cậu?

Ông trù mếu:

- Ngoại muốn mỗi năm cùng con đón giao thừa và nghe con hát".

(Ông ngoại, Nguyễn Ngọc Tư, Nhà xuất bản trẻ 2001.)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong văn bản trên?

Câu 2. Người kể chuyện chủ yếu đặt điểm nhìn ở đâu khi miêu tả sự thay đổi trong cảm xúc và nhận thức của Dung?

Câu 3. Xác định chủ đề của văn bản.

Câu 4. Dung là một cô bé như thế nào qua các chi tiết: quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hờm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cộc cạch lên phùng lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu.

Câu 5. Trong đoạn trích có một câu văn gợi suy ngẫm: "Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà". Trình bày một cách mà anh /chị cho là quan trọng nhất để gắn kết gia đình và rút ngắn "khoảng cách thế hệ" và lí giải vì sao?

1.2. Ngữ liệu đọc hiểu về thơ

Đọc văn bản sau:

Mùa cỏ nở hoa

Con yêu ơi!

Nếu mẹ là cánh đồng
 Con là cỏ nở hoa trong lòng mẹ
 Dầu chẳng đủ rộng dài như sông bể
 Vẫn chứa chan ngày nắng dưới mặt trời
 Khi đêm về hứng muôn ánh sao rơi
 Sương lấp lánh đọng trong ngần mỗi sớm
 Cỏ yêu nhé cứ hồn nhiên mà lớn
 Phủ xanh non lên đất mẹ hiền hòa
 Rồi một ngày cỏ nở thắm muôn hoa
 Cánh đồng mẹ rộn ràng cùng gió mát
 Cỏ thơm thảo tỏa hương đồng bát ngát
 Và rì rào cỏ hát khúc mùa xuân
 Những mạch ngầm trong đất mãi trào dâng
 Dòng nước mát ngọt ngào nuôi dưỡng cỏ
 Niềm hạnh phúc giản đơn và bé nhỏ
 Được bên con mãi mãi đến vô cùng

(*Hồng Vũ, Văn học và tuổi trẻ* số tháng 3 năm 2019, trang 44)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn)

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ?

Câu 2. Chỉ ra các từ láy trong đoạn thơ sau?

Dầu chẳng đủ rộng dài như sông bể
 Vẫn chứa chan ngày nắng dưới mặt trời
 Khi đêm về hứng muôn ánh sao rơi
 Sương lấp lánh đọng trong ngần mỗi sớm

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ sau?

Cỏ thơm thảo tỏa hương đồng bát ngát
 Và rì rào cỏ hát khúc mùa xuân

Câu 4. Nhận xét về tình cảm của mẹ với con được thể hiện trong bài thơ?

Câu 5. Anh/Chị có đồng ý với quan niệm: *Tình yêu thương của mẹ chính là thứ tình cảm vô giá, vô điều kiện và là tình cảm cao đẹp nhất không?* Vì sao?

1.3. Ngữ liệu đọc hiểu về văn bản nghị luận

Đọc văn bản sau:

(1) AI thật ra đã len lỏi sâu vào đời sống của nhiều nhân viên văn phòng, từ lĩnh vực tài chính, kinh doanh, tới luật, kế toán, thuế và sắp tới là viết văn. Tuy nhiên, những con bot đó về nhiều mặt, cũng quá thật đã bị thổi phồng.

(2) Rõ ràng AI có thể làm tốt hơn con người những việc lặp đi lặp lại, đơn giản và “chán như con gián”. Các nghiên cứu khoa học đã cho thấy, con người không có khả năng tập trung tốt khi phải làm những việc lặp lại, đơn giản và buồn tẻ. Những thứ đó sẽ thu hẹp cơ hội việc làm cho những người chỉ biết làm những việc đơn giản, như viết một bài báo đọc trong ba phút, hoặc viết email thay sếp. Một đồng nghiệp của tôi đã thử khoảng gần 60 email về các chủ đề khác nhau và ông tin rằng nó viết email với thái độ cầu thị và sự chuyên nghiệp hơn nhiều sinh viên thạc sĩ ở Đại học Bristol nơi tôi làm việc – một trong những trường top 5 được nhà tuyển dụng ưa thích trong suốt ba năm qua ở Anh. Nói cách khác, ChatGPT chưa thể thay thế nổi các nhân sự làm việc đáng hoàng, tạo ra giá trị cho công ty. Nhưng kinh tế khó khăn và

sự phát triển của AI có thể là bộ đôi hoàn hảo giúp các ông chủ “khai đao” vĩnh viễn với một số vị trí không mấy cần thiết.

(3) [...] Bất luận bạn thích hay không, sống chung với AI là điều chắc chắn. Để sống chung thoải mái và nhàn nhã với nó, con người phải không ngừng học, nâng cấp bản thân. Nhiều năm trước, người ta từng nghĩ “máy móc sao bằng con người”. Nay thì người ta đã biết, máy tính đã thắng đại kiện tướng khi chơi cờ, và tranh do AI vẽ đã đoạt giải.

(4) Con bot có thể không bằng con người trong nhiều khía cạnh, nhưng coi thường nó, không liên tục học hỏi, bạn sẽ rơi vào nguy cơ bị thay thế. Có thể bạn không bị thay thế bởi AI, mà bởi những người biết dùng AI để làm nhanh và làm tốt công việc hơn bạn.

(Hồ Quốc Tuấn, *Sống chung với AI*, báo điện tử VnExpress ngày 11/2/2022)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của trích đoạn trên.

Câu 2: Trong bài viết, đề chung sống với AI con người phải làm gì?

Câu 3: Trong đoạn văn (2) tác giả sử dụng thao tác lập luận chính nào? Nêu tác dụng của thao tác lập luận đó?

Câu 4: Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: “AI thật ra đã len lỏi sâu vào đời sống của nhiều nhân viên văn phòng, từ lĩnh vực tài chính, kinh doanh, tới luật, kế toán, thuế và sắp tới là viết văn.”

Câu 5 : Anh/chị có đồng tình với quan điểm: “Con bot có thể không bằng con người trong nhiều khía cạnh, nhưng coi thường nó, không liên tục học hỏi, bạn sẽ rơi vào nguy cơ bị thay thế” không? Vì sao?

1.4. Ngữ liệu đọc hiểu về yếu tố tự sự trong thơ

Đọc đoạn trích sau:

... Thương ngón tay thon thả lá hành
Nhớ lời nguyện ước đình ninh
Khăng khăng son sắt mối tình còn đeo
Nhớ như gà con theo nhặt tằm
Như nắm xôi nóng bọc lá tươi

Những mong là “đó” thả trôi
Là “đơm” bạn quý người hôn mắt “lờ”
Anh đã lo mà lo không đủ
Tính chi li lẫn lú tính sai
Túm hai cái núm một “chài”

Đêm đêm quăng trượt ra ngoài bờ sông
Như một kẻ đôi lòng khó nghĩ
Suy một mình thêm bí không cùng
Đã không nên vợ nên chồng
Muốn ăn dưa, cố rào vườn chẳng nên

Nào ai ngờ là em tình phụ
Như hoa tươi mãi rú rừng xa
Ước như tay Vượn dài ra
Hóa là tay Cóc khó qua bìa rừng
Ước có phép như Rồng biến hóa

Biến em yêu thành vợ trong buồng
Lên trời đậu ngọn cây thơm
Bay tìm xem thử “mệnh” nàng ra sao
Mệnh nàng đâu ta cầu gần lại
Mệnh nàng xa mấy “sải” cũng co

(Mạc Phi, *Tiến dẫn người yêu*, NXB Văn hóa, 1961)

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2. Cách đặt tên nhân vật chính trong văn bản trên là “*anh yêu*”, “*em yêu*” có ý nghĩa gì?

Câu 3. Hai câu thơ sau thể hiện tâm trạng gì của chàng trai?

Anh đã lo mà lo không đủ

Tính chi li lẫn lú tính sai

Câu 4. Anh/chị hãy phân tích giá trị của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn:

Thương ngón tay thon thả lá hành

Nhớ lời nguyện ước đình ninh

Khăng khăng son sắt mối tình còn đeo

Nhớ như gà con theo nhặt tằm

Như nắm xôi nóng bọc lá tươi

Câu 5: Qua văn bản, viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về tình yêu, hôn nhân trong cuộc sống hôm nay.

1.5. Ngữ liệu đọc hiểu về kịch

Đọc đoạn trích sau:

Giới thiệu: *Lưu Bình Dương Lễ* là vở chèo nổi tiếng có nội dung như sau: Dương Lễ và Lưu Bình là hai người bạn thân từ thuở thiếu thời. Hai người cùng dùi mài kinh sử và cùng đi thi, nhưng chỉ Dương Lễ đỗ đạt. Lưu Bình sinh ra buồn chán. Dương Lễ muốn giúp bạn thi lại, nên đã dùng kế khích tướng, ngoài mặt tỏ ra khinh bỉ Lưu Bình, nhưng bên trong bí mật sai vợ của mình là Châu Long đi theo giúp Lưu Bình để chàng có thời gian và tiền bạc để ôn thi. Năm đó Lưu Bình đỗ làm quan. Dương Lễ cho mời Lưu Bình đến chơi. Trong buổi gặp mặt này, Lưu Bình mới biết Châu Long là vợ của Dương Lễ. Lưu Bình vô cùng cảm động và kính phục trước tấm lòng của hai người dành cho mình.

(Cảnh tại tư dinh của Dương Lễ)

Dương Lễ chia tay, nhắn nhủ người vợ là Châu Long trước khi nàng đi làm một nhiệm vụ cao cả là nuôi bạn mình ăn học)

DƯƠNG LỄ (nói thơ):

Châu Long nàng ơi !

Tạm biệt nàng ta có vật này trao tặng

Đây là tấm gương tư mã của Từ Thân,

Để ngày ngày nàng vấn tóc soi gương

Tưởng như ta vẫn soi chung với nàng

CHÂU LONG: Thiếp xin giữ lòng thiếp, như tấm gương này sáng mãi không mờ chút bụi.

DƯƠNG LỄ: Em ơi! Chắp kính em phải biết tòng quyền

CHÂU LONG:

Chàng ơi! Em bước chân đi nguyện có Hoàng Thiên

Quyết em chẳng dám thay lòng đổi dạ
 Tưởng những lúc mặn nồng hương lửa
 Má kẻ gởi tựa nay phút bỗng phải biệt li

DƯƠNG LỄ:

Anh nay thương bạn sẽ chia no đôi
 Em bước chân đi
 Chớ ngại cát lăm
 Đừng than khóc ruột tằm anh nay thêm rối
 Sầu tình ngán nỗi chia đôi lối đành lòng sao
 Chẳng đoái đến bạn hiền

CHÂU LONG:

Em chẳng dám quên
 Những phiên đôi lứa tưởng những lúc
 Chiều đông tựa cửa ngao ngán thay
 Cảnh vợ xa chồng
 Hết hạ sang Đông
 Lẻ loi cô phòng
 Tuổi xuân mòn mỏi
 Rày ngóng mai trông
 Trăm năm chút nghĩa đèo bông
 Xa xôi ai có thấu lòng chẳng ai.

DƯƠNG LỄ:

Chia tay đôi ngả xa nhau đôi nơi
 Xa tiếng xa người
 Lệ sầu đầy vơi
 Dứt áo ly biệt, anh đây chúc nàng hòa vui
 Kẻ sao xiết nỗi ngậm ngùi

Khuyên nàng ghi nhớ lấy lời chấp kinh

CHÂU LONG:

Dặm trường thân gái một mình

Mối sầu sẻ nửa, gánh tình chia hai

DƯƠNG LỄ:

Ngõ trúc quanh hình bóng ai đã khuất

Luống băng khuâng như mắt lạng vàng

(Trích vở chèo *Lưu Bình Dương Lễ*, Hà Văn Cầu sưu tầm và chú thích, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1976, Tr. 107)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

Câu 2. Đề tài chính mà đoạn trích trên đề cập đến là gì?

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói của Dương Lễ đối với Châu Long: *Kể sao xiết nỗi ngậm ngùi/ Khuyên nàng ghi nhớ lấy lời chấp kinh* ?

Câu 4. Qua việc Dương Lễ để vợ mình là Châu Long đi nuôi bạn ăn học, anh/chị có nhận xét gì về con người của Dương Lễ?

Câu 5. Anh/chị có đồng tình với hành động của Dương Lễ khi để vợ mình là Châu Long đi nuôi bạn ăn học không? Vì sao?

2. DẠNG CÂU HỎI VIẾT

2.1. Viết về ngôi kể và điểm nhìn trong truyện, từ đó đánh giá nội dung và nghệ thuật của truyện

Viết bài văn nghị luận khoảng 400 chữ đánh giá nét đặc sắc về ngôi kể, điểm nhìn và giọng điệu, từ đó đánh giá nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn sau:

Một hôm tôi gọi cô Iulia Vasilievna - gia sư của bọn trẻ đến phòng làm việc. Đã đến hạn thanh toán tiền công cho cô ấy.

- *Cô ngồi xuống đi, cô Iulia Vasilievna - tôi nói*

- *Tôi sẽ thanh toán tiền công cho cô. Tôi chắc cô cũng cần tiền, nhưng là một người tự trọng nên chắc cô không tiện hỏi, đúng không? Chúng ta đã thoả thuận với nhau là 30 rúp một tháng nhỉ.*

- *40 rúp chứ ạ...*

- *Không, chỉ 30 rúp thôi. Tôi có ghi vào sổ rồi mà. Bao giờ tôi cũng chỉ trả cho gia sư 30 rúp một tháng thôi. Xem nào, cô đã làm cho chúng tôi hai tháng rồi nhỉ.*

- *Hai tháng 5 ngày ạ....*

- *Không chính xác hai tháng. Tôi có ghi đây mà. Vậy là phải trả cho cô 60 rúp... trừ đi 9 ngày chủ nhật... Các chủ nhật cô chỉ đưa thằng Koba đi dạo thôi mà, có học hành gì đâu... cộng 3 ngày lễ...*

Cô Iulia Vasilevna mặt đỏ bừng, tay mân mê gấu áo, nhưng vẫn không nói gì.

- 9 chủ nhật, 3 ngày lễ vị chi là 12 rúp. Thằng Kolia bị ốm mất 4 hôm, không học, cô chỉ trông mỗi con Varia... 3 ngày cô bị đau răng vợ tôi cho cô nghỉ buổi chiều... 12 với 7 là 19. Sáu mươi rúp trừ đi 19 rúp, vậy chỉ còn 41 rúp, đúng không cô?

Mắt trái của cô Iulia đỏ ngầu và ngân ngấn nước mắt, cằm cô run lên bần bật. Nhưng chỉ thấy cô ho và xì mũi, tuyệt nhiên không nói lời nào!

- Đêm giao thừa cô đánh vỡ cái tách uống trà với các đĩa cùng bộ. Tôi sẽ trừ tiền lương của cô đi 2 rúp nữa... Thực ra cái tách ấy đắt hơn kia, vì đó là đồ gia bảo mà, nhưng thôi! Cũng không nên so đo quá với cô. Một lần do cô không cẩn thận đã để thằng Kolia trèo lên cây làm rách mất chiếc áo khoác... Trừ thêm 10 rúp nữa... Rồi cũng vì cô lơ là nên con hầu đã ăn cắp mất đôi giày của con Varia. Cô phải trông nom chúng cẩn thận chứ. Tôi trả lương để cô dạy dỗ và trông chừng nó cơ mà... Vậy trừ tiếp 5 rúp... Hôm mùng 10 tháng giêng cô mượn của tôi 10 rúp...

- Tôi có mượn đâu ạ... Giọng cô Iulia nghèn nghẹn.

- Tôi đã ghi cả đây mà lị.

- Vâng, thế cũng được ạ.

- Vậy là 41 trừ đi 27 còn lại 14. Lúc này thì hai mắt cô giáo trẻ đã đầy nước... Trên chiếc mũi thanh, cao của cô đã lấm tấm mồ hôi. Thật tội nghiệp!

- Tôi chỉ vay vợ ông có 3 rúp - giọng cô run run - Đúng có một lần 3 rúp mà thôi.

- Thế à? Vậy mà tôi không hề biết gì cả. Thảo nào trong sổ tôi không thấy ghi. 14 rúp trừ 3 còn 11. Đây, tiền lương của cô đây, cô giáo thân mến ạ! 3 này, 3 này, 8 này, 1 rúp, 1 rúp. Xin cô nhận cho?

Và tôi đưa cho cô 11 rúp. Cô nhận lấy chúng bằng những ngón tay run rẩy rồi nhét vào túi.

- Cảm ơn ông - cô nói thì thầm.

Tôi đứng dậy và tiến lại phía cô. Một sự tức giận xâm chiếm lấy tôi. Tôi cúi phát điên lên.

- Cô cảm ơn cái gì? - Tôi sáng giọng.

- Vì ông đã trả lương cho tôi...

- Nhưng cô không thấy là tôi ăn chặn của cô, bóc lột cô hay sao? Cô còn cảm ơn cái nỗi gì?

- Ở những nơi khác người ta còn chẳng trả cho tôi đồng nào kia.

- Không trả ư? Cũng dễ hiểu thôi! Thì tôi cũng vừa đùa cô đấy thôi. Tôi muốn dạy cho cô một bài học. Nhưng xin cô cứ yên tâm, tôi sẽ trả đủ 80 rúp cho cô. Chúng ở trong chiếc phong bì kia kia, tôi đã chuẩn bị sẵn rồi. Nhưng tôi không hiểu tại sao cô lại có thể nhẫn nhục đến thế? Sao cô không cãi lại tôi? Sao cô cứ ngồi im như thóc thè. Chẳng lẽ có thể nhu nhược đến thế sao?

Cô giáo mỉm cười rầu rĩ và tôi đã đọc được trên mặt cô hai chữ "có thể".

Tôi đã xin lỗi cô gia sư vì bài học tàn nhẫn vừa rồi và đưa cho cô cả 80 rúp mà cô đáng được nhận trong sự ngạc nhiên đến tột độ của cô. Cô ngượng ngịu cảm ơn và lui ra. Tôi nhìn theo cô hồi lâu và chột nghĩ: "Trên đời này làm kẻ mạnh mới dễ làm sao!".

(Nhu nhược, Anton Chekhov, Hằng Như dịch,
in trong 100 truyện cực ngắn thế giới, Nxb Hội Nhà Văn)

2.2. Viết về cấu tứ và hình ảnh trong thơ

Viết bài văn nghị luận đánh giá những đặc sắc về ngôn ngữ, hình ảnh và cấu tứ của bài thơ sau

Miền quê

Lại về mảnh trăng đầu tháng
Mông lung mặt đồng bóng chiều,
Tiếng ếch vùi trong cỏ ẩm
Lúa mềm như vai thân yêu

Mùa xuân, là mùa xuân đầy
Thả chim, cỏ nội hương đồng
Đàn trâu bụng tròn qua ngõ
Gõ sừng lên mảnh trăng cong

Có gì xôn xao đêm thắm

Bao nhiêu trông đợi chóng chầy
Đàn em tóc dài mười tám
Thương người ra lính hôm mai

Đẽ rồi bao nhiêu gió thổi
Bên giếng làng, ngoài bến sông
Có tiếng hát như con gái
Cao cao như vàng trắng trong...

(Nguồn: *Thơ Nguyễn Khoa Điềm*, tuyển tập 40 năm do tác giả chọn, NXB Văn học, 2012)

Chú thích:

⁽¹⁾ Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943, tại thôn Ưu Điềm, xã Phong Hoà, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên- Huế. Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ các nhà thơ thời kì chống Mỹ cứu nước. Ông thường lấy chất liệu từ nền văn hoá văn học dân gian và cảm hứng từ con người, quê hương, tinh thần chiến đấu của người lính trong những năm chiến tranh chống Mỹ ác liệt... Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước và con người Việt Nam. Năm 2000 ông được nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

⁽²⁾ “Miền quê” là một trong những tác phẩm tiêu biểu cho phong cách thơ Nguyễn Khoa Điềm, được in trong tập “Thơ Nguyễn Khoa Điềm”, tuyển tập 40 năm do tác giả chọn, xuất bản năm 2012.

2.3. Viết về một vấn đề xã hội

Đề số 1: Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/ chị về nhiệt huyết của con người trong xã hội hiện nay

Đề số 2: Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về cách sống vì người khác.